

DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN TRONG TÌNH HÌNH MỚI: THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

● ĐINH THỊ KIM CHUNG

TÓM TẮT:

Bài viết tập trung phân tích những thách thức, cơ hội trong giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Những thách thức này xuất phát từ mục tiêu nội dung chương trình, từ người dạy và người học. Bên cạnh những thách thức và cơ hội, bài nghiên cứu đề xuất một số giải pháp tương đương nhằm đảm bảo việc giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân được cải thiện và hiệu quả.

Từ khóa: tiếng Anh chuyên ngành, dạy và học tiếng Anh, sinh viên, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

1. Đặt vấn đề

Thực tế cho thấy, những năm gần đây, chất lượng tiếng Anh đầu vào của sinh viên (SV) Trường Đại học Kinh tế quốc dân (NEU) ngày một tăng lên. Theo dữ liệu có được, nếu như năm 2018, số lượng sv cao học có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đầu vào khoảng 600, thì năm 2023 con số này đã tăng hơn 500%, tương đương hơn 3000 SV đã đạt chứng chỉ tiếng Anh quốc tế từ 6.0 IELTS (hoặc tương đương) trở lên. Việc “sở hữu” những sinh viên này, một mặt giúp nhà trường cải thiện môi trường giao tiếp tiếng Anh nói chung, qua đó nâng cao được chất lượng đào tạo môn ngoại ngữ này và tạo tiền đề vững chắc cho quá trình học tập các môn chuyên ngành; mặt khác đặt ra vấn đề phải dạy gì

để có thể duy trì và tiếp tục nâng cao kỹ năng tiếng Anh vốn đã đáp ứng được hầu hết mục tiêu đầu ra của tất cả các học phần tiếng Anh hiện tại đang được giảng dạy ở trường và phát huy được tiềm năng ngoại ngữ của SV. Giáo viên (GV) sẽ cần phải làm gì để thu hút, tạo động lực cho người học khi nhu cầu và đòi hỏi của họ chắc chắn sẽ cao hơn rất nhiều so với các đối tượng khác.

Trước tình hình dạy và học tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế quốc dân, chúng tôi tiến hành nghiên cứu “Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế quốc dân trong tình hình mới: Thách thức và giải pháp” nhằm tìm hiểu thách thức, cơ hội, cũng như đề xuất các giải pháp nhằm

nâng cao hiệu quả giảng dạy đối với giáo viên, đồng thời cung cấp các tham khảo cần thiết hướng tới cải tiến nội dung chương trình học, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của sinh viên và bắt kịp xu thế chung của xã hội.

2. Các thách thức, cơ hội trong việc giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Một là, thách thức về mục tiêu, nội dung chương trình.

Trong nội dung chương trình đào tạo tiếng Anh tại NEU, SV được phép miễn học miễn thi 03 học phần tiếng Anh nếu có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế 6.0 IELTS trở lên (hoặc tương đương). SV một số Khoa, Ngành bắt buộc phải học học phần tiếng Anh chuyên ngành. Theo kết quả điều tra, 90% GV cùng quan điểm cho rằng các thách thức liên quan đến nội dung chương trình học, yêu cầu và mục tiêu chương trình là thách thức có ảnh hưởng lớn nhất. Hầu hết GV cho rằng, nội dung giáo trình khá khó và nhiều so với trình độ SV lại là một thách thức lớn đối với GV. Một số tài liệu môn học chủ yếu được biên soạn và sưu tầm từ các nguồn tài liệu sẵn có, chưa thực sự có tính liên kết, logic, hệ thống về nội dung và chưa thực sự sát với thực tiễn nhu cầu của người học. GV vừa phải hoàn thành mục tiêu bài giảng, vừa phải tìm cách gây hứng thú cho SV, đồng thời tìm cách đưa ra nhiều thử thách hơn cho SV đáp ứng với nhu cầu của người học.

Hai là, thách thức xuất phát từ giáo viên.

Theo kết quả khảo sát, các thách thức đối với GV bao gồm: phương pháp giảng dạy, kiến thức giảng dạy và tâm lý khi giảng dạy. Thứ nhất, các nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng phương pháp giảng dạy là một trong những vấn đề tiên quyết đối với hiệu quả của hoạt động dạy học. Đối với nhóm SV có chứng chỉ, yêu cầu về phương pháp giảng dạy của GV càng cao hơn. Đặc biệt, trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của công nghệ, việc GV áp dụng thường xuyên và thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin vào bài học cũng được SV nói chung và nhóm SV đặc thù này được SV đánh giá cao. Trên thực tế, phương pháp giảng dạy cũng như

cách tiếp cận vấn đề có thể phù hợp với lớp này nhưng lại chưa phù hợp với lớp khác. Do vậy, việc áp dụng các phương pháp giảng dạy nhằm tối ưu hóa hiệu quả dạy - học cũng là một thách thức không nhỏ, cần có sự sáng tạo và linh hoạt của GV. Thứ hai, kiến thức của GV cũng là một trong vấn đề then chốt quyết định đến hiệu quả dạy - học. Đối với SV có trình độ cao, GV có tâm lý áp lực trong việc thiết kế các hoạt động cho SV do yêu cầu của SV cao hơn so với nhóm SV khác. Khi giảng dạy nhóm SV này, bản thân GV cần phải có trình độ ngôn ngữ cao và kinh nghiệm sư phạm vững vàng để xử lý các tình huống lớp học. Theo phản hồi từ GV, càng làm việc với người học ở trình độ cao, họ càng phải đầu tư nhiều về thời gian và chất xám để chuẩn bị tốt kiến thức và các hoạt động chuyên môn trước khi bắt đầu giảng dạy các nội dung chính của chương trình đào tạo.

Thêm nữa, trong quá trình giảng dạy, GV thường gặp một số khó khăn như: không đủ thời gian để tổ chức hoạt động luyện tập cho SV, ôn tập kiến thức giúp SV có thể 'tái chế' (recycle) các từ vựng và cấu trúc đã học; mất nhiều thời gian và công sức để giải thích các thuật ngữ chuyên ngành cho SV. Ngoài ra, GV còn chịu thêm áp lực từ phía nhà trường khi sau mỗi kỳ học, SV được tự do đánh giá, nhận xét về các vấn đề liên quan đến các hoạt động của GV đối với môn học. Do vậy, GV phải luôn luôn không ngừng đổi mới, hoàn thiện, nhằm tăng tính hấp dẫn của bài giảng và thu hút SV, hơn hết còn tối ưu hóa hiệu quả bài giảng nhằm đáp ứng được nhu cầu của người học và yêu cầu của nhà trường.

Ba là, thách thức đến từ phía người học.

Kết quả khảo sát cho thấy, các thách thức đến từ người học chủ yếu là các vấn đề liên quan đến động cơ học tập, thái độ học tập, yêu cầu về môn học. Thứ nhất, về động cơ học tập, qua khảo sát, hầu hết chung nguyện vọng mong muốn được học những nội dung mới mà người học chưa từng tiếp xúc. Họ yêu thích các bài học liên quan nội dung kinh tế - kinh doanh hơn. Họ mong muốn được mở rộng vốn từ, cũng như có thể thực hành và sử dụng được các

từ mới, hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành giảng dạy bằng tiếng Anh trong tương lai. Thứ hai, thái độ học tập của SV thể hiện rõ qua hai xu hướng. Một là, nhiều SV có ý thức học tập tốt, họ tham gia vào bài học một cách hào hứng, hợp tác và tích cực. Mặt khác, vẫn có những SV mang tâm lý chủ quan, thờ ơ, đến lớp chỉ để “điểm danh”. Thứ ba, như phân tích ở trên, người học ở trình độ cao thường có yêu cầu cao hơn, họ kỳ vọng nhiều hơn vào kết quả do chương trình mang lại. Họ hình dung việc học tiếng Anh ở trường sẽ là “chìa khóa” chinh phục các môn học chuyên ngành bằng tiếng Anh sau này. Như vậy, những thách thức xuất phát từ người học cũng chính là những khó khăn lớn đối với GV và cần được GV giải quyết và vượt qua.

3. Một số giải pháp đề xuất

Thứ nhất, giải pháp liên quan đến mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo.

Trong đó, vấn đề then chốt nên bắt đầu từ việc đánh giá lại/xây dựng mới/hoặc điều chỉnh đề cương môn học (syllabus). Theo Richard (2001), quy trình thiết kế đề cương môn học bao gồm: *Một là*, dựa vào chương trình tổng thể, xác định rõ các yêu cầu của môn học về số tín chỉ, trình độ SV, kế hoạch giảng, giảng ở học kỳ nào cùng với những môn học nào...; *Hai là*, cần xác định rõ mục tiêu môn học với việc đưa các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV đạt được sau khi kết thúc môn học; *Ba là*, xác định rõ phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá; Cuối cùng, lựa chọn giáo trình giảng dạy. Việc lựa chọn hay biên soạn tài liệu giảng dạy đặc biệt quan trọng đối với sự thành công của môn học, do vậy người xây dựng chương trình cần phải tính toán, cân nhắc, thậm chí tranh luận sôi nổi, có sự thẩm định của hội đồng khoa học cấp bộ môn/khoa trước mới đi đến được quyết định cuối cùng.

Như vậy, theo trình bày ở trên, hầu hết SV trong khảo sát có trình độ IELTS từ 6.0 trở lên (tương đương mức cuối B2 khung CEFR) không những đã đủ điều kiện về Chuẩn đầu ra của nhà trường mà họ còn đủ trình độ để học tập trong môi trường học thuật chuyên nghiệp. Do vậy, cần kiên định với

mục tiêu đáp ứng nhu cầu của người học sử dụng tiếng Anh cho những giai đoạn học tiếp sau và sau khi tốt nghiệp nội dung giảng dạy theo tiếng Anh kinh tế - kinh doanh, nhằm trang bị cho người học từ vựng, kiến thức và kỹ năng liên quan đến kinh tế - kinh doanh, xây dựng nền móng ngữ liệu tiếng Anh chuyên ngành kinh tế - kinh doanh cần thiết để SV học tập các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh, cũng như phục vụ trong thực tế công việc sau này. Trên cơ sở này, dễ dàng nhận thấy, với thời lượng và nội dung giảng dạy 100% theo định hướng tiếng Anh ESP kinh tế - kinh doanh cho SV tại NEU như hiện nay hoàn toàn phù hợp. Bên cạnh đó, để giúp tài liệu giảng dạy được hoàn thiện hơn nữa, nên chăng nhóm GV đảm nhiệm môn học cần thống nhất đưa thêm một số nội dung vào giảng dạy dưới hình thức tập Tài liệu hỗ trợ. Các tài liệu này có thể tham khảo từ các nguồn khác nhau qua sách, tạp chí, truyền thông, mạng xã hội..., bổ sung tính thời sự mà giáo trình chính thống bị hạn chế. Việc điều chỉnh một phần tài liệu giảng dạy nhằm đáp ứng mục tiêu môn học theo định hướng kinh tế - kinh doanh là cần thiết. Tài liệu này bao gồm các bài đọc, bài nghe, bài thuyết trình, các thuật ngữ, từ vựng, cấu trúc ngôn ngữ, các tình huống giao tiếp liên quan đến chủ đề trong giáo trình, giúp SV củng cố, nâng cao vốn từ vựng cũng như kiến thức chuyên ngành. Việc biên soạn tài liệu này cũng là một trong những giải pháp giúp GV giảm tải được khối lượng công việc, linh hoạt hơn trong việc tìm kiếm và giao bài tập cho SV.

Thứ hai, giải pháp liên quan đến giáo viên. Từ các thách thức xuất phát từ GV đã nêu, nghiên cứu gợi ý một số giải pháp như sau:

Một là, về trình độ GV giảng dạy cho nhóm SV đặc thù này cần được đào tạo thường xuyên thông qua các khóa tập huấn, nâng cao năng lực. Nhà trường cần tạo điều kiện thuận lợi và sẵn sàng đón tiếp các chuyên gia, GV có trình độ cao ở nước ngoài tới thăm và tham gia các hội nghị, hội thảo tập huấn cho giảng viên. Đồng thời, GV cần được định kỳ tham gia các khóa bồi dưỡng, các hội nghị, hội thảo quốc tế về dạy học ngoại ngữ ở trong và

ngoài nước. Tuy nhiên, với nội dung giảng dạy theo định hướng tiếng Anh chuyên ngành kinh tế - kinh doanh, đa số phần khó nằm ở khái niệm và thuật ngữ chuyên ngành, do vậy ý thức tự học tự trau dồi của GV có vai trò đặc biệt quan trọng.

Hai là, về phương pháp giảng dạy, trên thực tế, cần nắm được nhiều phương thức giảng dạy, linh hoạt trong việc lựa chọn phương thức và kỹ thuật, giúp bài giảng đạt hiệu quả cao nhất phù hợp với ngữ cảnh và mục tiêu học môn học. Mặc dù, hầu hết giảng viên giảng dạy cho nhóm SV có chứng chỉ được đào tạo khá đầy đủ và có kinh nghiệm tốt về các phương thức, kỹ thuật và phương pháp giảng dạy, tuy nhiên cần có các buổi sinh hoạt khoa học giúp GV thể chia sẻ kinh nghiệm và phương pháp giảng dạy, học hỏi. Những phương pháp giảng hay và hiệu quả cần được nhân rộng cũng như những trải nghiệm không hiệu quả, bất cập trong giảng dạy cần được tránh và để cùng tìm giải pháp xử lý. Chương trình môn học cần được đánh giá một cách thường xuyên để có những điều chỉnh, cải tiến một cách kịp thời.

Ba là, để tạo động lực học tập cho SV, GV cần có những quy định khen thưởng rõ ràng. GV tăng cường khai thác giáo trình, thiết kế các hoạt động, đồng thời tạo cơ hội cho SV có điều kiện thể hiện bản thân, thể hiện khả năng ngôn ngữ của mình, rèn luyện cho SV thói quen tư duy phản biện thông qua các tình huống giao tiếp từ chương trình học. Hơn nữa, trên thực tế, ngày nay, người học có thể kết nối mạng bất kỳ lúc nào, vì vậy việc phát huy phương thức học tập kết hợp (blended learning) cực kỳ cần thiết. Các phần mềm, ứng dụng thông minh cần được GV khai thác và áp dụng tối đa. GV chuyển giao một số hoạt động chưa thể thực hiện được ở trên lớp thành các bài tự học ở nhà.

Thứ ba, giải pháp liên quan đến người học.

Một là, bên cạnh việc chú trọng đến các mục tiêu đào tạo về kiến thức, năng lực ngôn ngữ, SV cần xác định việc học tiếng Anh là nhiệm vụ không ngừng vì lợi ích của chính bản thân họ. Ngay từ đầu, SV cần được giải thích về tầm quan trọng và mối liên hệ giữa các mục tiêu đào tạo tiếng Anh với yêu

cầu và đòi hỏi của chương trình, của thực tế học tập và làm việc sau này để họ có động cơ, nhu cầu học tập tích cực, đúng định hướng.

Hai là, người học cần chủ động tích cực tham gia vào bài giảng. Một trong những giải pháp cải thiện thái độ học tập của SV là hãy tạo điều kiện cho SV được thể hiện mình. Để trình độ của nhóm SV này được phát huy và được “ghi nhận”, GV nên khuyến khích SV trở thành peer-tutor (thầy dạy đồng cấp) cho SV cùng chương trình nhưng ở trình độ thấp hơn. Các sản phẩm làm tốt của SV có thể được sử dụng như là bài “model” (bài mẫu) cho nhóm SV còn lại học tập.

Ba là, tinh thần tự học trong SV cần được nâng cao. Với năng lực ngoại ngữ của mình, việc tự đọc, tự nghiên cứu của nhóm SV có chứng chỉ trở nên dễ dàng hơn. GV là người nêu vấn đề đưa ra nhiệm vụ, SV tự tìm tòi, tự học để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Việc tự học sẽ giúp SV củng cố, khắc sâu kiến thức từ giảng viên, để từ đó có thể “gia công” và “chuyển hóa” thành sản phẩm trí tuệ của bản thân. Tự học sẽ giúp cho người học từ chỗ biết ít đến chỗ biết nhiều, giúp kiến thức ngày càng đầy đủ, sâu sắc, hoàn thiện hơn. Hơn nữa, thông qua tự học, các kỹ năng diễn giải, tóm tắt, nêu vấn đề, xử lý vấn đề, tư duy phản biện, so sánh, đối chiếu, thuyết trình, phản biện... trở nên thuần thục hơn.

Bốn là, chương trình cần tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi Olympic, Festival, hùng biện/tranh biện bằng tiếng Anh,... tạo ra nhiều sân chơi bổ ích, lành mạnh cho SV có trình độ tiếng Anh cao được sử dụng và thể hiện năng lực tiếng Anh của mình. Các cuộc thi có thể trong phạm vi cấp khoa, cấp trường hoặc liên trường, xa hơn nữa là khu vực và quốc tế.

Ngoài ra, trong bối cảnh nhu cầu về việc phát triển các kỹ năng này đang ngày càng được đề cao và có tính ứng dụng thực trong thực tế, chương trình có thể cân nhắc việc giảng dạy các kỹ năng mềm bằng tiếng Anh cho SV. Việc học các kỹ năng này bằng tiếng Anh sẽ giúp SV cảm thấy hứng thú hơn, đồng thời các kiến thức, kỹ năng tiếng Anh sẽ được thu nhận một cách tự nhiên, dễ dàng hơn.

4. Kết luận

Tóm lại, từ những phân tích tổng hợp các thách thức trong việc dạy tiếng Anh chuyên ngành cho SV tại NEU, bài viết đã gợi ý một số giải pháp liên quan trực tiếp tới mục tiêu, nội dung chương trình giảng dạy, các giải pháp liên quan đến người dạy và người học. Điểm nổi bật trong số các đề xuất đưa ra là kiên định với nội dung giảng dạy theo tiếng Anh theo định hướng kinh tế - kinh doanh, nhằm trang bị cho người học từ vựng, kiến thức và kỹ năng liên quan đến kinh tế - kinh doanh; xây dựng nền móng cần thiết để sinh viên học tập các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh, cũng như phục vụ trong thực tế công việc sau này. Các kết quả nghiên cứu là tham

khảo hữu ích cho các nhà xây dựng chương trình tiếng Anh khi xem xét việc nội dung giảng dạy sao cho phù hợp với mục tiêu đào tạo và phát huy hiệu quả nhất khả năng ngoại ngữ ở trình độ cao của sinh viên. Đồng thời, nghiên cứu cũng giúp giáo viên hiểu rõ hơn về nhóm sinh viên ở trình độ cao, từ đó có những chuẩn bị tốt nhất về kiến thức, phương pháp giảng dạy, cách tiếp cận người học nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy. Thêm nữa, nghiên cứu cũng giúp sinh viên có chứng chỉ có định hướng mục tiêu học tập rõ ràng, qua đó tự xây dựng hoặc điều chỉnh động cơ học tập tiếng Anh không những phù hợp với nhu cầu của bản thân mà còn đáp ứng được các yêu cầu của giảng viên và chương trình ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Lâm Quang Đông (2004). EAP/ESP/EOP tiếng Anh học thuật, tiếng Anh chuyên ngành và tiếng Anh nghề nghiệp và chương trình giảng dạy ngoại ngữ chuyên ngành cho sinh viên đại học tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Hội thảo “Nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn và Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội”. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2. Trần Hữu Hoan (2011). Phát triển chương trình giáo dục. Tài liệu giảng dạy, Trường Đại học giáo dục, Hà Nội.
3. Basturkmen, Helen. (2010). *Developing Courses in English for Specific Purposes*. Basingstoke: Macmillan.
4. Dudley-Evans, T. & ST John M. J. (1998). *Developments in English for Specific Purpose*. Cambridge: Cambridge University Press.
5. Ellis, M. and C. Johnson (1994). *Teaching Business English*. Hong Kong: Oxford University Press.
6. Farhady, H. (1994). On the specificity of purpose in ESP. In *Proceedings of the 2nd conference on theoretical and applied linguistics* (pp.63-82). Tehran.
7. Harding, K. (2007). *English for Specific Purposes*. Spain: Oxford University Press.
8. Hutchinson, T. & Waters, A. (1987). *English for specific purposes: A learning centered approach*. Cambridge: Cambridge University Press.
9. Mackay, R. & Mountford, A.J. (1978). *English for specific purposes: A case study approach*. London: Longman.
10. Munby, J. (1978). *Communicative syllabus design*. Cambridge: Cambridge University Press.
11. Richards, J. C. (2001). *Curriculum Development in Language Teaching*. Cambridge: Cambridge University Press.
12. Robinson, P. (1980). *ESP (English for specific purposes)*. Oxford: Pergamon.

Ngày nhận bài: 12/8/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 29/8/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 13/9/2024

Thông tin tác giả:

TS. ĐINH THỊ KIM CHUNG

Trường Đại học Kinh tế và Quản lý công - Đại học Kinh tế quốc dân

TEACHING ENGLISH FOR SPECIAL PURPOSE AT NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY IN THE NEW CONTEXT: CHALLENGES AND SOLUTIONS

● **PhD. DINH THI KIM CHUNG**

School of Economics and Public management
- National Economics University

ABSTRACT:

This study aims to look into the challenges, opportunities in teaching English for special purposes (ESP) at National Economics University (NEU). These challenges and opportunities originated from syllabus, teachers and learners. Based on the findings, suggestions and solutions were introduced in order to make the teaching and learning ESP activity at NEU being improved and effective.

Keywords: English for special purposes (ESP), teaching English, student, National Economics University.